



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CƯỜNG THUẬN IDICO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2012





Tên giao dịch:

Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO

Địa chỉ:

Số 168 KP.11, P.An Bình, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại:

84-(61) 629 10 81

Số fax:

84-(61) 629 10 82

Website:

<http://www.cuongthuan.vn>

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

3600459834

Mã cổ phiếu:

CTI

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Quá trình hình thành và phát triển
Các danh hiệu tiêu biểu
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Giám Đốc với ý kiến kiểm toán

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các mặt hoạt động
Hoạt động của Ban Giám đốc
Kế hoạch và định hướng

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Giao dịch, thù lao và lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính hợp nhất



THÔNG TIN CHUNG

Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 03/05/2000, Công ty TNHH Cường Thuận chính thức hoạt động với vốn điều lệ ban đầu là 4,6 tỷ đồng. Từ năm 2000, Công ty TNHH Cường Thuận đã tiến hành đầu tư hiện đại hóa công nghệ sản xuất, xây dựng những giải pháp sản xuất đồng bộ và khép kín quy trình sản xuất từ đầu vào đến đầu ra hoàn chỉnh nhằm nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm để đối phó với làn sóng hàng sản xuất thủ công kém chất lượng, giá rẻ tràn vào thị trường.

Ngày 19/09/2007, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Với số vốn điều lệ đăng ký 104,6 tỷ đồng.

Tại cuộc họp ngày 6 tháng 12 năm 2007 giữa đại diện Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam và đại diện công ty Cổ Phần Cường Thuận, hai bên đã thống nhất việc công ty Cổ Phần Cường Thuận xin gia nhập thành viên của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam.

Ngày 17 tháng 12 năm 2007, Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam ra quyết định số 182/QĐ-TCT tiếp nhận Công ty Cổ Phần

Cường Thuận là Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam.

Ngày 11/01/2008, Công ty Cổ Phần Cường Thuận chính thức gia nhập thành viên của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (IDICO) nâng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO. . Sự kiện này đã mở ra một trang sử mới trong lịch sử phát triển cho Cường Thuận IDICO, tạo điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp với quy trình quản lý khoa học, ứng dụng các thành tựu về công nghệ trong quản lý.

Ngày 19/3/2010, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán HSX. Từ chỗ trước đây chỉ sản xuất các loại sản phẩm ống cống thủ công thông thường, Cường Thuận IDICO đã trở thành một trong những nhà sản xuất hàng đầu tại Việt Nam về các thiết bị bê tông đúc sẵn với doanh số hàng trăm tỷ đồng mỗi năm. Các sản phẩm của Cường Thuận IDICO được các nhà thầu xây dựng đánh giá có chất lượng cao không thua kém hàng ngoại nhập và giá cả phải chăng.

Quá trình tăng vốn

STT	Vốn điều lệ (đồng)	Thời điểm tăng vốn	Hình thức tăng vốn
1	4.621.860.000	24/04/2000	Tại thời điểm thành lập Công ty
2	8.404.474.414	01/09/2003	Tăng thêm vốn của cổ đông hiện hữu
3	18.596.274.414	07/07/2004	Tăng thêm vốn của cổ đông hiện hữu
4	29.596.274.414	03/08/2006	Tăng thêm vốn của cổ đông hiện hữu
5	104.617.880.000	19/09/2007	Nhận góp vốn của những cổ đông hiện hữu và cổ đông mới
6	150.000.000.000	11/01/2008	Nhận góp vốn của những cổ đông hiện hữu và cổ đông mới



Các danh hiệu tiêu biểu

Với những nỗ lực không ngừng của Cường Thuận IDICO trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và chất lượng phục vụ trên thị trường, Cường Thuận IDICO đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen cũng như giải thưởng của nhiều tổ chức, hiệp hội như:

- Giấy chứng nhận thương hiệu Việt cho sản phẩm bê tông nhựa nóng Cường Thuận do Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp
- Giấy chứng nhận thương hiệu Việt cho sản phẩm cống thoát nước Cường Thuận do Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp
- Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 do Tổng Cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng cấp
- Giấy chứng nhận là thành viên thương hiệu Việt
- Cúp Vàng thương hiệu Việt sản phẩm Bê tông nhựa nóng
- Cúp Vàng thương hiệu Việt sản phẩm cống thoát nước

Tất cả những giấy khen, bằng khen giải thưởng ở trên đã khẳng định vị trí tiên phong của Cường Thuận IDICO trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng ở Việt Nam



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông; Đầu tư xây dựng công trình đường bộ (theo phương thức B.O.T)
- Sản xuất, mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, rung ép, ly tâm và bê tông nhựa nóng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Kinh doanh bất động sản
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông (cầu $L < 25$ m, đường bộ);
- Thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp;
- San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán và cho thuê máy móc, thiết bị công trình;
- Sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông.

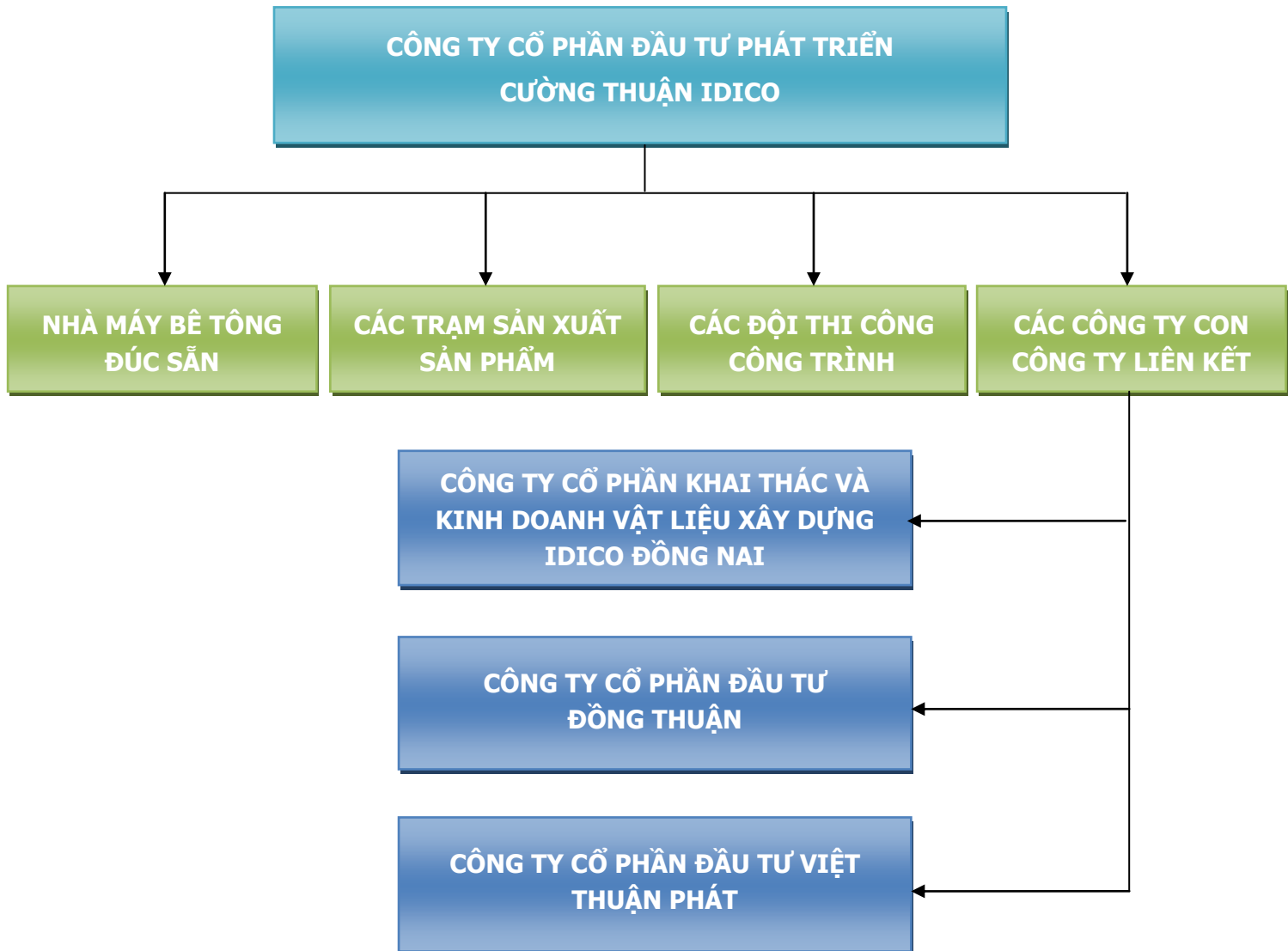
Địa bàn kinh doanh

Cường Thuận IDICO có hoạt động kinh doanh chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tỉnh, thành phố trực thuộc khu vực Đông Nam Bộ. Đông Nam Bộ là vùng có kinh tế phát triển nhất Việt Nam, dân số đông và dẫn đầu cả nước về đầu tư nước ngoài, GDP, cũng như nhiều yếu tố xã hội khác. Vốn thu hút nước ngoài của khu vực này dẫn đầu cả nước nổi bật ở các tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là yếu tố thuận lợi cho sự phát triển của Cường Thuận IDICO trong tương lai.

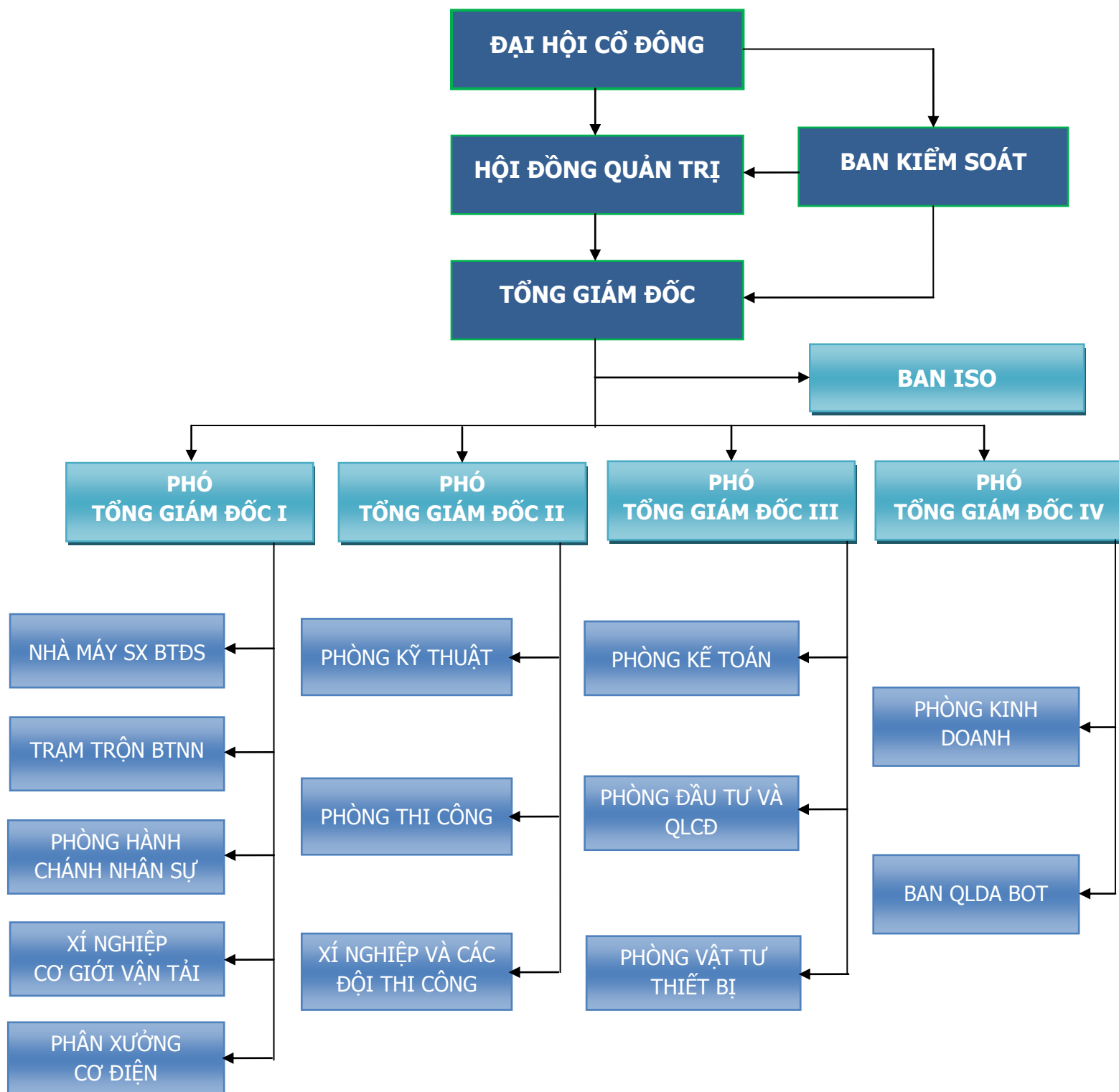


Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị



Bộ máy quản lý



Các Công ty con, Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỒNG THUẬN

- Công ty được thành lập ngày 06 tháng 01 năm 2009 theo giấy phép kinh doanh số 3601413688 của Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Đồng Nai.
- Lĩnh vực hoạt động chính là: xây dựng công trình đường sắt đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (dịch vụ thu phí giao thông), kinh doanh bất động sản, xây dựng các loại nhà, buôn bán nhiên liệu rắn lỏng ...
- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỒNG THUẬN
- Tên Tiếng Anh: DONG THUAN INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: DTC
- Địa chỉ: số F253, KP 7, Võ Thị Sáu, Thống Nhất, Biên Hoà, Đồng Nai
- Vốn điều lệ: 190.000.000.000 đồng.

Hoạt động của công ty

- Công ty hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần. Trong đó cổ đông lớn nhất là Cường Thuận IDICO chiếm 71,61% số cổ phần.
- Các dự án mà công ty đang thực hiện đầu tư và quản lý đầu tư: Tuyến quốc lộ 1A – Đoạn tránh Thành phố Biên Hoà: với tổng chiều dài 12 km và các dự án liên quan với tổng số vốn đầu tư khoảng 750 tỷ đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT THUẬN PHÁT

- Công ty được thành lập ngày 10/03/2009 theo giấy phép kinh doanh số 3601561943 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai.
- Đây là Công ty thành viên của Cường Thuận IDICO, trong đó phần vốn góp của Cường Thuận chiếm đa số. Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thuận Phát được thành lập với mục đích là sản xuất sản phẩm bê tông nhựa nóng, xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...
- Tên đầy đủ của Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT THUẬN PHÁT
- Tên Tiếng Anh: VIET THUAN PHAT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên công ty viết tắt: VTP
- Địa chỉ trụ sở chính: 166, Tổ 2, KP 11, Phường An Bình, Biên Hoà, Đồng Nai
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Hoạt động của Công ty

- Công ty hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, trong đó cổ đông lớn nhất là Cường Thuận IDICO nắm 35% cổ phần.
- Kể từ khi thành lập đến nay, Việt Thuận Phát đã trở thành doanh nghiệp sản xuất và cung cấp sản phẩm Bê tông nhựa nóng lớn của tỉnh Đồng Nai, đặc biệt là trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, Long Thành (Đồng Nai), Phú Mỹ (Vũng Tàu)...với chất lượng sản phẩm được đánh giá là tốt và giá cả cạnh tranh nhất. Trong đó các sản phẩm bê tông nhựa nóng mà Công ty cung cấp đó là:
 - ❖ Bê tông nhựa nóng hạt mịn
 - ❖ Bê tông nhựa nóng hạt trung
 - ❖ Bê tông nhựa nóng hạt thô.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG IDICO ĐỒNG NAI

- Công ty được thành lập vào ngày 18/01/2012 theo giấy phép kinh doanh số 3602711327 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đồng Nai.
- Đây là Công ty Cổ phần được thành lập bởi các thành viên góp vốn chính đó là Tổng công ty IDICO, Công ty Cường Thuận IDICO và Công ty Đồng Thuận với mục đích là khai thác vật liệu xây dựng như đá, cát; buôn bán vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng, xây dựng các loại nhà; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ...
- Tên đầy đủ của Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ KINH DOANH VẬT XÂY DỰNG IDICO ĐỒNG NAI
- Tên Tiếng Anh: IDICO DONGNAI MATERIAL PRODUCING AND TRADING JOINT – STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: IDICO ĐỒNG NAI
- Địa chỉ trụ sở chính: lầu 1, số 168, Khu phố 11, Phường An Bình, Biên Hoà, Đồng Nai.
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng).

Hoạt động của công ty

- Công ty hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, trong đó cổ đông lớn nhất là Cường Thuận IDICO nắm trên 35% cổ phần chi phối.
- Hiện nay IDICO Đồng Nai được uỷ quyền của các cổ đông quản lý các mỏ khai thác vật liệu đá xây dựng như mỏ đá Thiện Tân (Mỏ đá Đồi Chùa 3) với mức sản lượng khai thác thiết kế là 2.000.000 m³/năm. Các sản phẩm đá vật liệu xây dựng mà công ty sản xuất và cung cấp:
 - ❖ Các sản phẩm đá mi sàng
 - ❖ Đá 1x1, đá 1x2
 - ❖ Đá 4x6
 - ❖ Đá hộc....





Định hướng phát triển

TẦM NHÌN

Với phương châm “Tất cả, để khách hàng hài lòng”, Cường Thuận IDICO phấn đấu nỗ lực hết mình trở thành một thương hiệu hàng đầu tại Việt nam về sản phẩm vật liệu xây dựng và thi công xây dựng.

SỨ MỆNH

Bằng chất lượng sản phẩm, công trình và dịch vụ toàn diện, chúng tôi mang lại sự hài lòng cho khách hàng trên mọi phân khúc thị trường.

Xây dựng công trình chất lượng tốt, giá trị thẩm mỹ cao, tạo nền tảng hạ tầng cơ sở cho sự phát triển địa phương, thay đổi diện mạo đất nước.

Mang lại giá trị gia tăng cho các cổ đông, xây dựng đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV và đem lại các lợi ích cho xã hội.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, tiết kiệm chi phí cho việc giảm giá thành sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm chủ lực.

Phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường trong lĩnh vực xã hội hóa giao thông, xây dựng hạ tầng xã hội.

Tập trung ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực khai khoáng (mỏ đá, mỏ cát), lĩnh vực kinh doanh xăng dầu đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Gắn liền phát triển doanh nghiệp với bảo vệ môi trường.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định

Phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa

Tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sản phẩm sang thị trường các quốc gia lân cận.

Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Những năm trở lại đây, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng GDP khá cao. Tuy nhiên, tình hình lạm phát biến động khó lường trong thời gian qua và những bất ổn trong nền kinh tế như nợ xấu ngân hàng khiến Nhà nước phải tái cấu trúc lại hệ thống tài chính, thắt chặt tiền tệ. Điều này sẽ có ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển của ngành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.

Trong một giai đoạn nhất định, khi nền kinh tế phát triển trì trệ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng và ngành kinh doanh sản xuất vật liệu xây dựng nói chung. Tuy nhiên, với tiềm năng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam hiện nay, cũng như tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp cơ sở hạ tầng, có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động của Công ty.

Rủi ro luật pháp

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Cường Thuận IDICO chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan. Ngoài

ra, khi trở thành Công ty Đại chúng, hoạt động của Công ty sẽ phải tuân thủ theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế các luật và văn bản dưới luật trên

có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch chính sách kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối chủ trương của Đảng và Nhà Nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

Rủi ro kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO hiện nay chủ yếu tập trung vào thi công các hạng mục cơ sở hạ tầng. Dây chuyền sản xuất ống cống bê tông quay ép, rung ép và xưởng sản xuất bê tông nhựa nóng hiện đã đưa vào sản xuất ổn định.

Tuy nhiên nền kinh tế đang bị ảnh hưởng tiêu cực bởi sự suy thoái toàn cầu, nên Công ty sẽ gặp khó khăn về hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Tuy nhiên, đây không thật sự là một sự hạn chế đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO bởi những nguyên nhân sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO đã tiến hành đầu tư thêm 2 dây chuyền sản xuất ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép và rung ép mới với công suất lớn gấp hơn 2 lần, sản phẩm cũng đa dạng hơn dây chuyền cũ. Hệ thống này đã đi vào hoạt động từ tháng 12 năm 2008 hiện nay đang vận hành ổn định.

Bên cạnh việc kinh doanh sản xuất cung cấp các sản phẩm bê tông, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO đang triển khai tham gia đầu tư một số lĩnh vực truyền thống của Công ty cũng như lĩnh vực khác có tiềm năng như:

- Đầu tư xây dựng Tuyến Quốc lộ 1A đoạn tránh Thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai theo hình thức BOT.
- Đầu tư hệ thống trạm xăng dầu và dịch vụ dọc tuyến quốc lộ 1A đoạn tránh Thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai.
- Đầu tư kinh doanh địa ốc, nhà ở, khu dân cư, đô thị và khu công nghiệp.
- Đầu tư khai thác mỏ vật liệu xây dựng.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO đang đẩy mạnh phát triển củng cố năng lực để tham gia đầu tư và thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu công nghiệp, khu dân cư đô thị ở tỉnh Đồng Nai, khu vực TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận khác trước đây. Hiện tại, các dự án đang mang lại nguồn thu lớn tạo sự phát triển ổn định cho Công ty. Trong tương lai, dự kiến sẽ đem lại doanh thu ổn định bền vững lâu dài cho Công ty. Với những lý do trên, thì những rủi ro kinh doanh hạn chế tiềm năng phát triển của Công ty cũng được giảm thiểu đáng kể.

Rủi ro cạnh tranh

Ngành sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng là ngành có tiềm năng phát triển rất lớn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này. Cùng với xu hướng mở cửa hội

nhập kinh tế, nên đối thủ cạnh tranh của Công ty không chỉ là các doanh nghiệp trong nước

mà còn cả các doanh nghiệp nước ngoài với tiềm lực tài chính rất mạnh.

Tuy nhiên, với lợi thế về thương hiệu, khả năng chớp thời cơ, đầu tư công nghệ hiện đại nhất nhì ở các Tỉnh phía Nam Việt Nam thời điểm hiện nay, trình độ quản lý cùng với tiềm năng đất đai, tiềm lực về tài chính, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO hoàn

toàn có thể tự tin vào khả năng cạnh tranh của mình trước các đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước. Nhìn chung, việc ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh sẽ làm giảm thị phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO nhưng với những lợi thế sẵn có của

mình, Công ty có đủ năng lực để kiểm soát được rủi ro này và từng bước mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 40%- 60%) nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Giá nguyên vật liệu và hàng hóa tăng liên tục trong thời gian gần đây, mà phần lớn xuất phát từ những hàng hóa "trọng điểm" của nền kinh tế đặc biệt là sắt thép, xi măng. Việc tăng giá này đã tác động trực tiếp đến chi phí giá thành của sản phẩm. Ngoài ra tình trạng xăng dầu tăng giá liên tục trên thế giới, điều này đồng nghĩa với việc giá xăng dầu tại Việt Nam cũng đang điều chỉnh tăng theo tình hình chung. Đây là lý do quan trọng ảnh hưởng đến chi phí vận chuyển của Công ty.

Tuy nhiên, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm

cho tất cả các ngành hàng, khi đó Công ty có thể tăng giá bán ra, doanh thu tăng sẽ bù đắp được ảnh hưởng của rủi ro tăng giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro về lãi suất

Trong hoạt động kinh doanh, Công ty sử dụng một lượng vốn vay khá lớn nhằm tài trợ cho các hợp đồng xây dựng. Trong năm 2012, lãi suất cao khiến chi phí lãi vay của công ty tăng cao, làm giảm hiệu quả hoạt

động. Để giảm rủi ro lãi suất, công ty chủ động giảm thiểu nợ ngắn hạn, trong khi vẫn đảm bảo công tác sản xuất kinh doanh.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011	% So với KH 2012	% So với 2011
Tổng tài sản	1.173.520		785.430		149,4%
Doanh thu thuần	300.315	468.000	367.973	64,17%	81,6%
Lợi nhuận gộp	56.600		75.923		74,5%
Chi phí tài chính	24.811		34.833		71,2%
Lợi nhuận từ HĐKD	-531		8.700		
Lợi nhuận khác	2.397		372		644,4%
Lợi nhuận trước thuế	1.734		9.110		19,0%
Lợi nhuận sau thuế	1.243	24.000	6.987	5,18%	17,8%

Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu và tình hình nợ công Châu Âu căng thẳng, năm 2012 kinh tế thế giới vẫn bất ổn, và phục hồi chậm. Thị trường vật liệu xây dựng trong nước diễn biến phức tạp. Nhiều doanh nghiệp Xây dựng và Bất động sản gặp khó trong việc tiếp cận nguồn vốn Ngân hàng khiến tiến độ nhiều dự án bị chậm hoặc ngừng thi công. Bên cạnh đó, số dự án bị thu hồi giấy phép đầu tư tăng lên do không đáp ứng đủ năng lực tài chính, chậm trễ trong việc triển khai. Các yếu tố vĩ mô trong nước không ổn định, tổng cầu sụt giảm, lãi suất tăng gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, kết quả thực hiện đạt được như sau:

Kết thúc năm 2012, doanh thu của Công ty đạt 300,3 tỷ đồng, giảm 18,4% so với năm 2011, đạt 64,17% kế hoạch. Có những khó khăn

thách thức rất lớn, ngoài dự kiến của công ty xuất hiện trong năm 2012. Đó là sự sụt giảm nghiêm trọng nhu cầu xây dựng các Công trình đường xá, cơ sở hạ tầng của các khu Công nghiệp hay Khu Đô thị mới do các chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc đáp ứng nguồn vốn và sự thận trọng trong quá trình đầu tư. Trong giai đoạn kinh tế gặp khó khăn, nhu cầu xây dựng Công trình sụt giảm mạnh, Công ty vẫn duy trì được những khách hàng truyền thống và phát triển nhiều khách hàng mới. Doanh thu của Công ty đạt 300,3 tỷ đồng, mức sụt giảm không mạnh như các Công ty cùng ngành là một điểm đáng ghi nhận trong năm 2012.

Công ty có chính sách ưu đãi hỗ trợ khách hàng, giảm giá hàng bán nhằm duy trì và phát triển thị trường nên lợi nhuận gộp của Công ty không cao. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm. Mặc dù chi phí tài chính giảm 28,8% nhưng lợi nhuận gộp không cao khiến lợi nhuận sau thuế đạt 1,243 tỷ đồng, giảm so với năm 2011.

Tổ chức và nhân sự

Giới thiệu Hội đồng Quản trị

BÀ TRƯƠNG HỒNG LOAN

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 24,93%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2000 đến tháng 09 năm 2007 : Giám đốc Công ty TNHH Cường Thuận
- Từ tháng 09 năm 2007 đến tháng 01 năm 2008 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Cường Thuận
- Từ tháng 01 năm 2008 : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.

Từ ngày 27 tháng 02 năm 2013 : Bà Trương Hồng Loan từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO

ÔNG TRẦN NHƯ HOÀNG

Chức vụ: Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quốc tế Quản trị kinh doanh

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 5,33%

Quá trình công tác:

- Từ 06/1997 đến 06/2000 : Phụ trách kỹ thuật Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty An Bình – BQP
- Từ 2000 đến 09/2007 : Phó Giám đốc Công ty TNHH Cường Thuận.
- Từ 09/2007 đến 01/2008 : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cường Thuận.
- Từ 01/2008 đến 2/2013 : Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.

Từ ngày 27 tháng 02 năm 2013 : Ông Trần Như Hoàng được bổ nhiệm là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO

ÔNG NGUYỄN XUÂN QUANG

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu đường

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 5,08%

Quá trình công tác:

- Từ 03/1993 đến 06/2000 : Phụ trách đội xe cơ giới Công ty An Bình –BQP
- Từ 06/2000 đến 09/2004 : Giám đốc Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty An Bình – BQP
- Từ 09/2004 đến 05/2005 : Phó giám đốc Công ty An Bình BQP
- Từ 05/2005 đến 03/2008 : Cán bộ Quân đoàn 4 – BQP
- Từ 03/2008 đến 04/2009 : Cố vấn HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO
- Từ 04/2009 đến 02/2012 : Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát.

Từ ngày 27 tháng 02 năm 2013 : Ông Nguyễn Xuân Quang được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO

ÔNG NGUYỄN SỸ PHONG

Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1958

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,07%

Quá trình công tác:

- Từ 1979 đến 1988 : Giáo viên khoa tên lửa trường Trung cấp kỹ thuật phòng không.
- Từ 08/1988 đến 06/2003 : Chuyển ngành về CTy giấy Tân Mai Phụ trách bộ phận đo lường và điều khiển tự động. Thường vụ Ban chấp hành công đoàn Công ty. Phó phòng hành chính bảo vệ Công ty.
- Từ 07/2003 đến 2005 : Phó giám đốc Công ty TNHH Cường Thuận.
- Từ 2006 đến 2007 : Phó giám đốc Công ty TNHH DV xử lý môi trường Đồng Nai.
- Từ 11/2007 đến 01/2008 : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cường Thuận.
- Từ 01/2008 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận

ÔNG NGUYỄN VĂN KHANG

Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 1,33%

Quá trình công tác:

- Từ 1998 đến 2000 : Kế toán tổng hợp - Công ty An Bình – BQP
- Từ 2000 đến 5/2005 : Phụ trách kế toán Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty An Bình – BQP
- Từ 06/2005 đến 08/2007 : Phụ trách Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty CP An Bình.
- Từ 2005 đến 09/2007 : Phó giám đốc tài chính Công ty TNHH Cường Thuận
- Từ 09/2007 đến 01/2008 : Phó Tổng giám đốc tài chính Công ty CP Cường Thuận
- Từ 01/2008 đến nay : Phó Tổng giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận – Thành viên HĐQT

ÔNG NGUYỄN VĂN THÚY

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1958

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,13%

Quá trình công tác:

- Từ tháng 03 năm 2009 : Đảng ủy viên, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và KCN Viet Nam
- Từ tháng 12 năm 2000 đến tháng 02 năm 2009 : Kế toán trưởng Tổng Công ty đầu tư phát triển đô thị và KCN Việt Nam
- Từ tháng 05 năm 1995 đến tháng 12 năm 2000: Kế toán trưởng Công ty phát triển đô thị và khu công nghiệp
- Từ tháng 01 năm 1994 đến tháng 04 năm 1995 : Phó phòng TCKT Công ty phát triển đô thị và khu công nghiệp
- Từ tháng 09 năm 1989 đến tháng 12 năm 1993 : Kế toán trưởng Xí nghiệp Vật tư vận tải Sông Đà tại Tp. Biên Hòa – Đồng Nai
- Từ tháng 05 năm 1989 đến tháng 09 năm 1989 : Phó phòng TCKT Xí nghiệp Tiếp nhận vật tư thiết bị Hải Phòng
- Từ tháng 11 năm 1982 đến tháng 04 năm 1989 : Chuyên viên PTCKT Công ty Cung ứng vật tư – Tổng công ty Xây dựng Sông Đà

ÔNG PHẠM THẾ TÔ

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,33%

Quá trình công tác:

- Từ 1995 đến 1998 : Nhân viên kinh doanh Công ty CP Việt Nam
- Từ 1998 đến 2001 : Nhân viên kinh doanh Công ty Chinfon Việt Nam
- Từ 2001 đến 09/2007 : Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH Cường Thuận
- Từ 2001 đến nay : Giám đốc Công ty TNHH ASIANA
- Từ 09/2007 đến 01/2008 : Giám đốc Đầu tư Công ty CP Cường Thuận
- Từ 01/2008 đến nay : Giám đốc đầu tư Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Giám đốc đầu tư - Thành viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH ASIANA.

Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc

ÔNG TRẦN NHƯ HOÀNG

Chức vụ: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quốc tế Quản trị kinh doanh

Từ ngày 27 tháng 02 năm 2013 : Ông Trần Như Hoàng được bổ nhiệm là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO

ÔNG PHẠM THANH QUẢNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

ÔNG NGUYỄN VĂN KHANG

Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính

ÔNG NGUYỄN SỸ PHONG

Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1958
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử

ÔNG ĐOÀI HÙNG CƯỜNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu đường
Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,01%

Quá trình công tác:

- Từ 2002 đến 2003 : Nhân viên kỹ thuật Công ty CP Vận tải Quốc tế Hoàng Anh
- Từ 2003 đến 2005 : Nhân viên kỹ thuật Công ty An Bình BQP
- Từ 2005 đến 09/2007 : Phó phòng kỹ thuật Công ty TNHH Cường Thuận
- Từ 09/2007 đến 01/2008 : Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP Cường Thuận
- Từ 01/2008 đến 03/2009 : Phó giám đốc Kỹ thuật Thi công Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO
- Từ 03/2009 đến nay : Phó TGD Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO

ÔNG LÊ VĂN VINH

Chức vụ: Kế toán Trưởng
Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,07%

Quá trình công tác:

- Từ 1996 đến 1998 : Nhân viên XNK Công ty TNHH Vina Tarpaulin Bình Dương
- Từ 1998 đến 2001 : Nhân viên kế toán Công ty TNHH chăn nuôi CP
- Từ 2001 đến 2002 : Nhân viên XNK Công ty TNHH SX Đông Nam
- Từ 2002 đến 09/2007 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Cường Thuận
- Từ 09/2007 đến 01/2008 : Kế toán trưởng Công ty CP Cường Thuận

Giới thiệu Ban Kiểm soát

ÔNG ĐOÀN NGỌC MINH

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1953

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,01%

Quá trình công tác:

- Từ 1977 đến 1978 : Cán bộ tín dụng Ngân hàng Pleiku, Tỉnh Gia Lai – Kon Tum.
- Từ 1979 đến 1981 : Chỉ huy trưởng công trình Cty xây lắp Miền Nam – Bộ lương thực thực phẩm.
- Từ 1982 đến 1984 : Đội phó công trình Công ty Liên hiệp XNK Đồng Nai.
- Từ 1984 đến 1993 : Phó phòng kế hoạch Công ty XNK Đại Thành, Tỉnh Đồng Nai.
- Từ 1993 đến 1999 : Trưởng phòng kế hoạch Công ty TNHH Trường Thuận
- Từ 2000 đến 2005 : Phụ trách kế hoạch Xí nghiệp thi công cơ giới
- Từ 2005 đến 09/2007 : Trưởng phòng Hành chính nhân sự Công ty TNHH Cường Thuận
- Từ 09/2007 đến 01/2008 : Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Cường Thuận
- Từ 01/2008 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.

BÀ LÊ THỊ HẢI YẾN

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,01%

Quá trình công tác:

- Từ 2006 đến 09/2007 : Nhân viên thống kê Nhà máy Bê tông đúc sẵn – Công ty TNHH Cường Thuận.
- Từ 09/2007 đến 01/2008 : Nhân viên thống kê Nhà máy Bê tông đúc sẵn – Công ty CP Cường Thuận.
- Từ 01/2008 đến nay : Nhân viên Thống kê Nhà máy Bê tông đúc sẵn – Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Nhân viên thống kê Nhà máy Bê tông đúc sẵn.

ÔNG VŨ TIẾN DŨNG

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Địa chất công trình

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2012: 0,02%

Quá trình công tác:

- Từ 2002 đến 2003: Nhân viên kỹ thuật Công ty TNHH 115.
- Từ 2003 đến 09/2007: Nhân viên phòng kỹ thuật Công ty TNHH Cường Thuận.
- Từ 09/2007 đến 01/2008 : Nhân viên phòng kỹ thuật Công ty CP Cường Thuận.
- Từ 01/2008 đến nay: Phó giám đốc Nhà máy Bê tông đúc sẵn Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.
- Các chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Quyền giám đốc Nhà máy Bê tông đúc sẵn.

Thông kê lao động

Trình độ	31.12.2011		31.12.2012	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
Theo trình độ	445	100%	436	100%
Đại học	53	11,91%	63	14,45%
CĐ & TC	87	19,55%	100	22,94%
CN kỹ thuật	29	6,52%	27	6,19%
Lao động phổ thông	276	62,02%	246	56,42%
Theo hợp đồng lao động	445	100%	436	100%
HĐLĐ có thời hạn	445	100%	436	100%
HĐLĐ thời vụ				

Trong năm 2012, mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn thách thức, tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng gia tăng nhiều doanh nghiệp ngưng hoạt động nhưng Công ty vẫn tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động. So với năm 2011 số lượng lao động tăng giảm 9 người là mức giảm không đáng kể so với tình hình chung.

Số lượng lao động có trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp tăng lần lượt 10 người và 13 người so với năm 2011. Số lượng lao động có trình độ tăng giúp cải thiện trình độ quản lý, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Số lượng Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông giảm lần lượt 2 người và 30 người so với năm 2011.

Chính sách đối với người lao động

Chính sách đào tạo

Công ty có các chính sách đào tạo rõ ràng cho từng đối tượng khác nhau. Các quy trình công nghệ, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm đã được đưa vào chương trình đào tạo thường xuyên cho đội ngũ kỹ sư mới, nhân viên kỹ thuật và công nhân công nghệ. Các kỹ sư hoạt động tự lập, tự tham khảo tài liệu thông qua internet, tích lũy kinh nghiệm thông qua hoạt động hàng ngày. Những thông tin mới được phổ biến truyền đạt thông qua các chuyên đề, thông qua trao đổi email.

Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu đào tạo của từng xí nghiệp- bộ phận, Công ty sẽ tiến hành theo nhiều hình thức như cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng cách kết hợp với các trung tâm, các trường đào tạo. Bên cạnh đó, Công ty còn cử cán bộ ra nước ngoài đào tạo nhằm học hỏi kinh

ng nghiệm phát triển sản phẩm của các nước. Những cán bộ công nhân viên cử đi học đều được Công ty tạo mọi điều kiện về thời gian và chi phí đào tạo.

Thêm vào đó, Công ty còn tổ chức cho cán bộ quản lý tham gia các lớp học ngắn hạn và dài hạn nhằm nâng cao kiến thức quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý nguồn nhân lực phù hợp để đáp ứng quy mô hoạt động ngày càng gia tăng của Công ty.

Với truyền thống nhiều năm cung cấp sản phẩm ra thị trường, Cường Thuận IDICO đã không ngừng củng cố, xây dựng và phát triển văn hóa Công ty đến toàn thể cán bộ công nhân viên bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm mục đích để mọi người xem Cường Thuận IDICO là gia đình thứ hai của mình. Hiện tại, phương châm bản sắc văn hóa mà Ban lãnh đạo Công ty hướng đến là “Đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu”.

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO có chế độ lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy

chế trả lương, thưởng trong Doanh nghiệp theo tiêu chuẩn riêng của mình.

Hàng năm kết hợp với Công đoàn khám sức khoẻ định kỳ cho CBCNV. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và bồi dưỡng độc hại cho người lao động theo đúng tiêu chuẩn chức danh công việc.

Tổ chức tặng quà cho CBCNV trong ngày quốc tế phụ nữ 8/3 và tặng quà cho CBCNV diện chính sách nhân ngày thương binh liệt sĩ, ngày thành lập quân đội 22/12 v.v...Tham

gia các hoạt động xã hội như tương thân tương ái, giúp đỡ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo. Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình văn thể mỹ, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong Công ty.

Hàng năm Công ty tổ chức CBCNV đi nghỉ dưỡng, nghỉ mát kinh phí trích từ quỹ phúc lợi.



Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Hiện tại, Công ty có các khoản đầu tư lớn như: Tuyến Quốc lộ 1A (Đoạn tránh thành phố Biên Hòa), Dự án khai thác đá Bình Lợi Vĩnh Cửu, Dự án khai thác đá Phước Tân, Tân Cang 8, Dự án khai thác đá Đồi Chùa, Khu tái định cư tại xã Bình Minh, Khu Tái định cư tại xã Phước Tân. Sau đây là tình hình giải ngân của Cường Thuận IDICO tại các dự án:

Tình hình giải ngân năm 2012	
Tuyến Quốc lộ 1A (Đoạn tránh thành phố Biên Hòa)	28,5 tỷ đồng
Dự án khai thác đá Bình Lợi Vĩnh Cửu	10,0 tỷ đồng
Dự án khai thác đá Phước Tân, Tân Cang 8	13,3 tỷ đồng
Dự án khai thác đá Đồi Chùa	11,0 tỷ đồng

Các dự án Cường Thuận IDICO đang thực hiện đều có tiến độ thi công tốt, hầu hết sẽ hoàn thành đúng tiến độ trong thời gian tới.



Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2012	Năm 2011
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	61	45
	- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	39	55
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	81,7	70,7
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	18,3	29,3
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,52	0,93
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,94	1,33
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,1	0,9
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,4	1,9
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	0,7	3,7
5	Vòng quay hoạt động			
	- Vòng quay vốn lưu động	Vòng	0,66	0,85
	-Vòng quay Tài sản	Vòng	0,25	0,47

Tình hình vốn, tài sản

Tổng tài sản năm của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO là 1.173,5 tỷ đồng tỷ đồng, tăng 49,4% so với năm 2011. Tài sản của Công ty tăng chủ yếu do hàng tồn kho và tài sản cố định tăng. Trong năm, Công ty đầu tư xây dựng và thực hiện nhiều hạng mục Công trình quan trọng, có giá trị lớn nên khoản phục chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng đáng kể. Công ty đang có khoản đầu tư rất lớn, đã giải ngân được gần 400 tỷ đồng trên Quốc lộ 1A (đoạn tránh Thành phố Biên Hòa) tính đến thời điểm cuối năm 2012.

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán nhanh toán và khả năng thanh toán hiện hành của Công ty năm 2012 giảm so với năm 2011. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản nợ ngắn hạn tăng lên để phục vụ cho việc đầu tư các dự án trong năm. Trong thực tế hoạt động, hàng tồn kho tăng khoảng 70 tỷ đồng trong khi các khoản phải thu giảm khoảng 27 tỷ đồng, tiền mặt giảm xuống khoảng 22 tỷ đồng.

Vòng quay hoạt động

Doanh thu thuần của Cường Thuận IDICO năm 2012 đạt 300 tỷ đồng giảm 18,5% so với năm 2011. Doanh thu giảm do tình hình kinh tế gặp khó khăn và một lý do quan trọng khác là Công ty tập trung nguồn lực phục vụ các dự án lớn đang dang dở trong năm 2012 và vẫn chưa ghi nhận doanh thu.

Tài sản công ty tăng lên đáng kể, vì vậy, nếu xét đơn thuần các chỉ số, mức độ sử dụng tài sản và nguồn vốn của công ty không được cải thiện so với năm 2011.

Cơ cấu nguồn vốn

Năm 2012, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đều tăng đáng kể so với năm 2011. Cụ thể, nợ dài hạn tăng thêm khoảng 240 tỷ đồng và nợ ngắn hạn tăng khoảng 160 tỷ đồng. Công ty tham gia đầu tư xây dựng dự án lớn, với nguồn vốn được huy động từ vay nợ nên cơ cấu vốn thay đổi đáng kể với nợ chiếm tỷ trọng cao trong tổng nguồn vốn. Tuy nhiên, đây chỉ là cơ cấu vốn mang tính chất thời điểm. Sau khi đoạn thi công Quốc lộ 1A được hoàn thành và bàn giao, cơ cấu vốn của Cường Thuận IDICO sẽ thay đổi tích cực hơn với nợ chiếm tỷ trọng thấp hơn trong tổng nguồn vốn.

Tỷ suất lợi nhuận

Mặc dù kinh doanh có lãi nhưng mức lợi nhuận thấp. Lợi nhuận không cao hoặc kinh doanh thua lỗ là đặc điểm chung của nhiều doanh nghiệp hoạt động trong ngành vật liệu xây dựng và thi công xây dựng năm 2012. Chi phí đầu vào cao trong khi giá bán không tăng hoặc giảm khiến lợi nhuận gộp giảm nên mặc dù chi phí lãi vay giảm nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn giảm so với năm 2011.

Lợi nhuận giảm thể hiện qua các chỉ số tỷ suất lợi nhuận giảm. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, Cường Thuận IDICO có được lợi nhuận là một điều đáng khích lệ.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông

STT		Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (người)	
						Tổ chức	Cá nhân
Tổng số lượng cổ phiếu			15.000.000	100			
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)		6.507.958	43,38	4		4
	- Trong nước		6.507.958	43,38	4		4
	- Nước ngoài						
2	Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%)		340.045	2,27	4	4	
	- Trong nước		340.015	2,27	3	3	
	- Nước ngoài		30	0	1	1	
3	Cổ đông khác		8.151.997	54,35	275		
	- Trong nước		8.140.337	54,27	271	3	268
	- Nước ngoài		11.660	0,07	4		4

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm, Công ty không có các đợt tăng vốn cổ phần bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu... thành cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Hiện Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ và không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2012.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011	% So với KH 2012	% So với 2011
Tổng tài sản	1.173.520		785.430		149,4%
Doanh thu thuần	300.315	468.000	367.973	64,17%	81,6%
Lợi nhuận gộp	56.600		75.923		74,5%
Chi phí tài chính	24.811		34.833		71,2%
Lợi nhuận từ HĐKD	-531		8.700		
Lợi nhuận khác	2.397		372		644,4%
Lợi nhuận trước thuế	1.734		9.110		19,0%
Lợi nhuận sau thuế	1.243	24.000	6.987	5,18%	17,8%

Năm 2012, thị trường Bất động sản và xây dựng gặp nhiều khó khăn, nhu cầu các sản phẩm của Công ty sụt giảm, nhưng doanh thu ở lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng của Công ty vẫn tăng. Lĩnh vực hoạt động xây dựng được triển khai mạnh mẽ tuy nhiên hạng mục thi công chính là Tuyến Quốc lộ 1A (tránh thành phố Biên Hòa) vẫn chưa ghi nhận doanh thu nên doanh thu của Công ty không đạt theo kế hoạch Đại Hội đồng Cổ đông đề ra. Trong tình hình kinh tế ảm đạm, doanh thu không tăng hoặc tăng trưởng thấp là đặc điểm chung của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng và thi công công trình. Mặc dù doanh thu của Công ty giảm trong năm 2012 nhưng dự kiến doanh thu sẽ được ghi nhận tăng trong các năm tiếp theo khi hạng mục thi công lớn được hoàn thành. Năm 2012, sản phẩm vật liệu xây dựng và dịch vụ thi công công trình của Cường Thuận IDICO tiếp tục đáp ứng tốt nhu cầu thị trường và được khách hàng đánh giá cao.

Lãi suất ngân hàng tăng cao trong năm 2012, nhưng Công ty vẫn huy động được nguồn vốn ưu đãi rất lớn từ ngân hàng và kho bạc nhà nước trung ương với lãi suất thấp nên chi phí tài chính giảm 28,8% so với năm 2011 mặc dù tổng vay nợ tăng 73%. Nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư được đáp ứng đầy đủ nên mọi hoạt động đều được thực hiện thông suốt.

Giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, trong khi giá bán không tăng khiến lợi nhuận gộp của công ty ở mức không cao như năm 2011. Đây cũng là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận của Công ty giảm trong năm 2012.

Năm 2012, doanh thu thuần đạt 300,3 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1,2 tỷ đồng. Nói chung, kết quả doanh thu năm 2012 không tăng trưởng như kế hoạch do Công ty chưa hoàn thành hạng mục thi công đoạn Quốc lộ 1A. Kết quả lợi nhuận không khả quan do tình hình kinh tế vĩ mô không thuận lợi, còn tồn tại nhiều vấn đề chưa có phương thức giải quyết dứt điểm.

Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

	Năm 2012	Năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	455.909	435.457
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.778	41.895
Các khoản phải thu ngắn hạn	228.090	255.301
Hàng tồn kho	200.903	130.145
Tài sản ngắn hạn khác	7.138	8.116
TÀI SẢN DÀI HẠN	717.611	349.973
Tài sản cố định	683.384	336.414
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8.018	11.859
Tài sản dài hạn khác	26.209	1.700
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.173.520	785.430
NỢ PHẢI TRẢ	958.777	555.070
Nợ ngắn hạn	485.037	326.044
Nợ dài hạn	473.740	229.026
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	173.232	187.749
Vốn chủ sở hữu	173.232	187.749
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	41.511	42.612
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.173.520	785.430

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012 là 1.173 tỷ đồng, tăng 388 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2011. Trong năm 2012, Tài sản của Công ty thay đổi chủ yếu ở khoản mục tài sản dài hạn. Tài sản dài hạn cuối năm 2012 đạt 717 tỷ đồng, tăng 367 tỷ đồng so với cuối năm 2011. Khoản đầu tư xây dựng Tuyến Quốc lộ 1A (tránh thành phố Biên Hòa) có giá trị khoảng 400 tỷ đồng, được thực hiện chủ yếu trong năm 2012 là nguyên nhân chính khiến khoản mục tài sản dài hạn tăng đáng kể trong năm 2012. Các khoản phải thu, tiền và các khoản tương đương tiền lần lượt giảm 27 và 22 tỷ đồng, trong khi hàng tồn kho tăng 70 tỷ đồng là nguyên nhân chính dẫn đến khoản mục tài sản ngắn hạn tăng khoảng 20 tỷ đồng so với năm 2011.

Nguồn vốn chủ yếu được sử dụng để tài trợ cho các khoản đầu tư là vốn vay từ các ngân hàng và Kho bạc Nhà nước Trung Ương. Vay nợ ngắn hạn và vay nợ dài hạn tăng lần lượt 159 và 244 tỷ đồng so với năm 2011. Cơ cấu vốn của Cường Thuận IDICO thay đổi đáng kể với nợ chiếm 81,7% tại thời điểm cuối năm 2012, tăng so với mức 70,7% cuối năm 2011. Tuy nhiên, cơ cấu nguồn vốn này chỉ mang tính chất thời điểm. Sau khi công ty ghi nhận doanh thu từ các khoản đầu tư xây dựng, và trả bớt nợ, cơ cấu vốn của Cường Thuận IDICO sẽ được cải thiện với nợ chiếm tỷ trọng thấp hơn trong tổng nguồn vốn.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Cường Thuận IDICO cho rằng Quản trị Công ty có vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy năng lực của các bộ phận, phòng ban và cá nhân trong doanh nghiệp. Trong năm, Cường Thuận IDICO luôn chú trọng trong việc cải tiến cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý trong Công ty, cụ thể:

- Duy trì chính sách nhân sự công bằng và phát triển năng lực và khả năng tiềm ẩn của từng cá nhân. Chính sách lương thưởng cho người lao động hợp lý để người lao động cống hiến năng lực phát triển công ty.
- Tăng cường tin học hóa, mô hình hóa hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát huy ưu thế của công nghệ thông tin, gia tăng hiệu quả kinh doanh.
- Lãnh đạo công ty xây dựng mục tiêu, khối lượng công việc đồng bộ, hợp lý cho các bộ phận và toàn doanh nghiệp.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát hoạt động hiệu quả, thúc đẩy sự chia sẻ thông tin giữa các bộ phận trong doanh nghiệp, hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất, phục vụ nhu cầu khách hàng.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kinh tế vĩ mô năm 2013 sẽ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy HĐQT và Ban Lãnh Đạo công ty đã đề ra một số giải pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch năm 2013 như sau:

- Phát huy thế mạnh về uy tín, năng lực thị phần và công nghệ
- Hoàn thiện và tiếp tục triển khai các dự án hiện tại, phục vụ khách hàng một cách tốt nhất thông qua tiến độ thi công và chất lượng công trình.
- Nâng cao trình độ CB CNV thông qua các lớp đào tạo chuyên môn và nâng cao năng lực quản lý

Công ty đặt mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2013 như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế
1	Doanh thu bán công	94.060.867.830	7.524.869.426
2	DT cung cấp Bê tông nhựa nóng, dịch vụ xây lắp	320.939.132.170	9.628.173.965
3	Doanh thu phí tỉnh lộ 16	30.000.000.000	10.500.000.000
4	Đá xây dựng và hoạt động khác	15.000.000.000	696.956.609
	Tổng cộng	460.000.000.000	28.350.000.000



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động

Năm 2012 là một năm đầy gian nan thử thách của kinh tế Việt Nam. Mặc dù Chính phủ đã có nhiều biện pháp để chỉ đạo điều hành nền kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường nhưng nền kinh tế vẫn còn nhiều yếu kém.

Kinh tế vĩ mô chưa vững chắc, lạm phát luôn có nguy cơ tăng trở lại, nợ xấu gia tăng, xử lý còn chậm và còn nhiều khó khăn. Lãi suất tín dụng còn cao so với hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tăng trưởng huy động vốn cao hơn nhiều so với tăng trưởng tín dụng cho vay; chênh lệch lãi suất huy động và lãi suất cho vay còn lớn. Doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, khó tiếp cận được nguồn vốn, tồn kho lớn. Số lượng doanh nghiệp phải giải thể, ngừng hoạt động còn nhiều. Thị trường bất động sản đình trệ, chưa có khả năng phục hồi sớm, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Những khó khăn chung của nền kinh tế có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cường Thuận IDICO.

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2011	% So với KH 2012	% So với 2011
Tổng tài sản	1.173.520		785.430		149,4%
Doanh thu thuần	300.315	468.000	367.973	64,17%	81,6%
Lợi nhuận gộp	56.600		75.923		74,5%
Chi phí tài chính	24.811		34.833		71,2%
Lợi nhuận từ HĐKD	-531		8.700		
Lợi nhuận khác	2.397		372		644,4%
Lợi nhuận trước thuế	1.734		9.110		19,0%
Lợi nhuận sau thuế	1.243	24.000	6.987	5,18%	17,8%

Cụ thể, doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2012 của công ty đều sụt giảm so với năm 2011. Doanh thu thuần năm 2012 đạt 300,3 tỷ đồng, đạt 64,17% kế hoạch, tương đương 81,6% doanh thu thuần năm 2011. Tình hình kinh tế vĩ mô không thuận lợi khiến Công ty chậm trễ trong việc triển khai các dự án. Bên cạnh đó, khoản đầu tư lớn trị giá 400 tỷ đồng vào Tuyến Quốc lộ 1A (Đoạn tránh Thành phố Biên Hòa) chiếm nhiều nguồn lực của công ty, trong khi chưa được ghi nhận doanh thu. Đây là 2 nguyên nhân chính khiến doanh thu của Cường Thuận IDICO giảm trong năm 2012.

Hoạt động xây lắp của Công ty có doanh thu và tỷ suất lợi nhuận gộp giảm, là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận gộp của Cường Thuận IDICO giảm khoảng 20 tỷ đồng so với năm 2011. Mặc dù chi phí tài chính năm 2012 giảm khoảng 10 tỷ đồng nhưng mức giảm của lợi nhuận gộp tương đối lớn khiến lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm so với năm 2011.

Tuy nhiên, Cường Thuận IDICO cho rằng doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ được cải thiện đáng kể khi ghi nhận doanh thu từ Tuyến Quốc lộ 1A (Đoạn tránh Thành phố Biên Hòa)

Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Năm 2012, Ban Giám đốc đã thể hiện được năng lực, sự cố gắng nỗ lực nhằm thực hiện chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên, tình hình kinh tế gặp khó khăn, một số đối tác gặp khó khăn tạm thời về nguồn vốn, Cường Thuận IDICO hướng phần lớn nguồn lực xây dựng Tuyến Quốc lộ 1A (Đoạn tránh Thành phố Biên Hòa) khiến doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch.

Hiện tại, có thể khẳng định Cường Thuận IDICO là Công ty hàng đầu, vẫn duy trì được vị thế vững chắc trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm vật liệu xây dựng và thi công xây dựng trên địa bàn Tỉnh Đồng Nai. Ban Giám đốc đã tận dụng được lợi thế, cùng với những nỗ lực không ngừng giúp Công ty có được những hợp đồng lớn, giữ vững thị phần trong ngành cung cấp vật liệu xây dựng và thi công xây dựng trong năm 2012.

Ban Giám đốc thực hiện đúng theo nội dung các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông, bám sát, cố gắng thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Giám đốc đã thể hiện được vai trò chỉ đạo, thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư trong những thời điểm khó khăn của nền kinh tế, phân đoán tình hình kịp thời giúp Công ty đạt được một số thành quả đáng tự hào trong năm 2012.

Kế hoạch và định hướng

Từ khó khăn, tồn tại trong năm 2012, Việt Nam đã đề ra những giải pháp chủ yếu để ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2013. Theo báo cáo mới nhất của Chính phủ, năm 2013 Việt Nam sẽ tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát.

- Theo đó, đầu tiên là tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát ở mức thấp hơn năm 2012.
- Cơ bản hoàn thành việc cơ cấu lại các tổ chức tài chính, tín dụng yếu kém. Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tài chính, ngân hàng. Hỗ trợ phát triển lành mạnh thị trường chứng khoán.
- Nhanh chóng tháo gỡ khó khăn thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh hơn nữa việc hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn tín dụng với lãi suất hợp lý. Tháo gỡ vướng mắc về thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Nghiên cứu giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, cải thiện năng lực cạnh tranh và môi trường kinh doanh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là nguồn lực từ đất đai.

Nói chung, nền kinh tế những năm tiếp theo sẽ có những biến động bất ngờ, khó có được sự khởi sắc trong ngắn hạn. Cường Thuận IDICO kiên trì mục tiêu phát triển bền vững, không chủ trương đầu tư ngoài ngành, chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi là sản xuất vật liệu xây dựng và thi công xây dựng. Với những lợi thế sẵn có tại địa phương, thế mạnh về công nghệ, sự đồng lòng quyết tâm của cán bộ công nhân viên, Cường Thuận IDICO sẽ có những bước phát triển bền vững trong thời gian tới.

Năm 2013, dự kiến nền kinh tế khó có sự đột phá trong tăng trưởng và phát triển cơ sở hạ tầng, Cường Thuận IDICO thận trọng đặt kế hoạch kinh doanh như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế
1	Doanh thu bán công	94.060.867.830	7.524.869.426
2	DT cung cấp Bê tông nhựa nóng, dịch vụ xây lắp	320.939.132.170	9.628.173.965
3	Doanh thu phí tỉnh lộ 16	30.000.000.000	10.500.000.000
4	Đá xây dựng và hoạt động khác	15.000.000.000	696.956.609
	Tổng cộng	460.000.000.000	28.350.000.000



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Trương Thị Hồng Loan	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%
2	Ông Trần Như Hoàng	Thành viên HĐQT	04/04	100%
3	Ông Nguyễn Văn Khang	Thành viên HĐQT	04/04	100%
4	Ông Nguyễn Sỹ Phong	Thành viên HĐQT	04/04	100%
5	Ông Nguyễn Văn Thúc	Thành viên HĐQT	04/04	100%
6	Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên HĐQT	04/04	100%
7	Ông Phạm Thế Tô	Thành viên HĐQT	04/04	100%

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị thường xuyên có công tác giám sát, đôn đốc Ban Tổng giám đốc và các bộ phận phòng ban về những mặt hoạt động sau:

- Rà soát đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty năm 2012. Xây dựng kế hoạch và giao chỉ tiêu thực hiện quý 4 năm 2012 cho Ban Tổng Giám Đốc. Chấn chỉnh các hoạt động điều hành công tác thi công các gói thầu lớn, triển khai công tác đầu tư các mỏ vật liệu, dự án đầu tư BOT Tuyên Trách QL 1A.
- Giám sát công tác huy động vốn, kế hoạch sử dụng vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.
- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2013
- Xem xét đưa ra định hướng phát triển đúng đắn, chỉ đạo kịp thời hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Luật, Nghị định, Thông tư, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các quy định pháp luật liên quan khác.

Hội đồng Quản trị cho rằng Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ công ty.

Ban kiểm soát

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo đúng Quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp nhằm thống nhất và đề ra các chủ trương hoạt động, tổ chức kiểm tra số liệu tài chính các quý trong năm. Một số hoạt động cụ thể như sau:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người quản lý khác trong công ty.
- Tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2011 và các Quý của Công ty, kiểm tra hệ thống sổ sách báo cáo kế toán của công ty.
- Tham gia vào các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị. Xem xét và kiểm tra các số liệu và báo cáo về tình hình đầu tư và công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá trong năm 2012, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng đắn các quyền và nghĩa vụ trong quá trình quản lý và điều hành Công ty, tuân thủ Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT và Ban Điều hành đã có những quyết định đúng đắn, kịp thời để thực hiện các mục tiêu của Công ty.

Đánh giá của Ban Kiểm soát với HĐQT và thành viên Ban TGD

Đánh giá của Ban Kiểm soát với HĐQT

Ban kiểm soát không thấy sự bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý công ty.

HĐQT trong năm đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường để trao đổi phân tích, đi đến thống nhất quyết định hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. HĐQT đã ban hành các quyết định chỉ đạo các phòng ban thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 của Công ty. Các quyết định chỉ đạo, lãnh đạo Ban điều hành thực hiện đúng theo luật và quy định của Nhà nước, chỉ đạo trong sản xuất kinh doanh, đầu tư đúng hướng nhằm thực hiện mọi chủ trương nghị quyết của Đại hội cổ đông, đảm bảo tuân thủ điều lệ của công ty và chấp hành nghiêm chỉnh luật Doanh nghiệp.

HĐQT đã ban hành hệ thống các Quy chế, Quy định tạo bộ khung pháp lý để hoạt động. HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành và trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn trong hoạt động SXKD của Công ty, trên cơ sở đó thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2011 được Đại hội đồng cổ đông giao cho.

Đánh giá của Ban Kiểm soát với Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc luôn chấp hành chủ trương của Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT, thực hiện đúng các quy chế, quy định của Công ty.

Năm 2012, Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo và tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Tổng Giám đốc đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành các hoạt động SXKD, triển khai xây dựng lại các quy chế, quy định phù hợp với tình hình thực tế của Công ty như: Quy chế quản lý tài chính, Quy chế tiền lương, tiền thưởng...

Ban Tổng Giám đốc không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty, quan tâm đến công tác đổi mới tái cấu trúc doanh nghiệp.

Trong công tác tài chính kế toán, hệ thống sổ sách biểu mẫu tương đối rõ ràng, hạch toán đúng chế độ quy định. Công tác kiểm kê định kỳ đầy đủ, hàng hóa và tài sản không thiếu hụt mất mát, số lượng thực tế đúng với sổ sách báo cáo.

Giao dịch, thù lao và lợi ích của HĐQT, BGĐ và BKS

STT	Họ và tên	Thù lao HĐQT, BKS	Lương BQ tháng trong năm 2012	Thưởng BQ tháng trong năm 2012
1	Hội đồng quản trị	213.060.691		
	Bà Trương Thị Hồng Loan	30.437.242	42.000.000	3.500.000
	Ông Trần Như Hoàng	30.437.242	34.320.000	3.000.000
	Ông Nguyễn Văn Khang	30.437.242	20.000.000	1.600.000
	Ông Nguyễn Sỹ Phong	30.437.242	20.000.000	1.600.000
	Ông Nguyễn Văn Thúc	30.437.242		
	Ông Nguyễn Xuân Quang	30.437.242		
	Ông Phạm Thế Tô	30.437.242		
2	Ban kiểm soát	35.510.115		
	Ông Đoàn Ngọc Minh	11.836.705	10.000.000	830.000
	Bà Lê Thị Hải Yến	11.836.705	4.220.500	350.000
	Ông Vũ Tiến Dũng	11.836.705	15.000.000	1.250.000
3	Ban điều hành	91.311.725		
	Ông Trần Như Hoàng	30.437.242	34.320.000	3.000.000
	Ông Phạm Thanh Quảng		21.600.000	1.800.000
	Ông Nguyễn Văn Khang	30.437.242	20.000.000	1.600.000
	Ông Nguyễn Sỹ Phong	30.437.242	20.000.000	1.600.000
	Ông Đới Hùng Cường		19.200.000	1.600.000
	Ông Lê Văn Vinh		20.000.000	1.700.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TÀI CHÍNH TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CƯỜNG THUẬN IDICO**

AISC

ACCOUNTING & INVESTMENT SERVICES COMPANY

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04-07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9-10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-36

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO ("Công ty"), được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000423 ngày 19/9/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 11/01/2008, thay đổi lần thứ hai ngày 20/8/2009, thay đổi lần thứ ba ngày 14/10/2009, thay đổi lần thứ tư ngày 21/04/2011, thay đổi lần thứ năm ngày 11 tháng 05 năm 2011, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến đất, đá và cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh bất động sản; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trụ sở); kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở); đại lý mua bán bia rượu, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ quảng cáo.

Mã chứng khoán niêm yết: CTI

Trụ sở chính: số 168 KP1, Phường An Bình, Tp.Biên Hoà, Đồng Nai.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà TRƯƠNG HỒNG LOAN
Ông TRẦN NHƯ HOÀNG
Ông NGUYỄN XUÂN QUANG
Ông NGUYỄN VĂN KHANG
Ông NGUYỄN SỸ PHONG
Ông PHẠM THẾ TÔ
Ông NGUYỄN VĂN THUY

Người đại diện pháp luật
Chủ tịch HĐQT đến ngày 27/2/2013
Chủ tịch hội đồng quản trị - kể từ ngày 27/2/2013
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông ĐOÀN NGỌC MINH
Ông VŨ TIẾN DŨNG
Bà LÊ THỊ HẢI YẾN

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông TRẦN NHƯ HOÀNG
Ông NGUYỄN XUÂN QUANG
Ông NGUYỄN SỸ PHONG
Ông NGUYỄN VĂN KHANG
Ông ĐOÀI HÙNG CƯỜNG
Ông PHẠM THANH QUẢNG
Ông LÊ VĂN VINH

Tổng Giám Đốc - đến ngày 27/2/2013
Tổng Giám Đốc - kể từ ngày 27/2/2013
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

4. Các thông tin khác

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 04 năm 2013

Thay mặt Hội đồng Quản trị



TRƯƠNG HỒNG LOAN

Người đại diện pháp luật



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 0612418/AISC-DN2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO**

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 27 tháng 02 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO từ trang 04 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc quý Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Dương Thị Phương Anh

Số chứng chỉ KTV: 0321/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

TP. HCM, ngày 11 tháng 04 năm 2013

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Tú

Số chứng chỉ KTV: 0213/KTV
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng: 36 Ho Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ: 5Đ. 30/4 St. - Ninh Kiều Dist - Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel: (04) 3782 0045/46 /47 Fax: (04) 3782 0048

Tel: (0511) 371 5619

Tel: (0710) 3813 004

Tel: (031) 3569 577

Fax: (0511) 371 5620

Fax: (0710) 3828 765

Fax: (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscvt@dn.vnn.vn

Trang 3

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		455.908.799.938	435.457.245.250
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	19.778.199.094	41.895.010.236
1. Tiền	111		19.778.199.094	41.895.010.236
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		228.089.864.965	255.300.836.308
1. Phải thu của khách hàng	131	V.03	96.393.448.694	130.596.848.142
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	127.326.257.157	113.123.970.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.05	7.620.811.563	12.743.298.028
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.06	(3.250.652.449)	(1.163.280.662)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	200.903.232.959	130.145.692.578
1. Hàng tồn kho	141		200.903.232.959	130.145.692.578
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.137.502.920	8.115.706.128
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	3.710.001
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.641.981.803	2.665.568.375
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	4.495.521.117	5.446.427.752

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		717.611.002.284	349.972.885.951
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		683.384.096.985	336.413.929.631
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	110.754.912.932	118.908.483.325
- Nguyên giá	222		226.297.977.917	209.732.292.241
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.543.064.985)	(90.823.808.916)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	31.221.245.129	39.824.322.761
- Nguyên giá	228		83.670.838.182	83.670.838.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(52.449.593.053)	(43.846.515.421)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	541.407.938.924	177.681.123.545
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.18	8.018.390.068	11.858.840.506
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.418.390.068	8.858.840.506
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.600.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		26.208.515.231	1.700.115.814
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.19	24.319.583.493	1.700.115.814
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		1.888.931.738	-
3. Tài sản dài hạn khác	273		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.173.519.802.222	785.430.131.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		958.776.750.102	555.069.512.201
I. Nợ ngắn hạn	310		485.037.146.617	326.043.595.076
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	314.328.839.836	148.111.823.423
2. Phải trả cho người bán	312	V.21	54.802.740.099	42.980.245.931
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	69.124.535.618	52.401.153.061
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	17.985.363.183	16.921.692.091
5. Phải trả người lao động	315		5.815.662.623	3.904.217.090
6. Chi phí phải trả	316	V.24	13.045.804.088	17.931.614.790
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	12.047.177.494	45.545.759.437
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(2.112.976.324)	(1.752.910.747)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		473.739.603.485	229.025.917.125
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		15.848.972.474	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	457.890.631.011	228.939.536.576
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	86.380.549
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		173.232.019.005	187.748.516.877
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.29	173.232.019.005	187.748.516.877
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.537.781.581	8.468.567.877
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.247.989.856	4.247.989.856
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.436.499.730	8.436.499.730
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		998.627.411	16.584.338.987
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		11.120.427	11.120.427
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		41.511.033.116	42.612.102.123
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	540		1.173.519.802.222	785.430.131.201

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng



LÊ VĂN VINH

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc



TRẦN NHƯ HOÀNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.32	300.576.912.009	368.049.345.214
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.33	262.210.735	75.967.325
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.34	300.314.701.274	367.973.377.889
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.35	243.715.090.206	292.050.140.635
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		56.599.611.068	75.923.237.254
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.36	977.046.636	1.593.023.451
7. Chi phí tài chính	22	VI.37	24.811.014.900	34.833.407.469
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.329.918.875	30.697.202.169
8. Chi phí bán hàng	24	VI.38	6.455.788.352	10.752.328.482
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.39	26.841.180.836	23.231.009.778
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		(531.326.384)	8.699.514.976
11. Thu nhập khác	31	VI.40	4.960.513.609	3.476.551.846
12. Chi phí khác	32	VI.41	2.563.382.197	3.104.798.919
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.397.131.412	371.752.927
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		(131.609.932)	38.413.634
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.734.195.096	9.109.681.537
16a Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.42	2.412.168.889	2.122.811.008
16b Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.43	(1.888.931.738)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.210.957.945	6.986.870.529
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(31.855.304)	-
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty (62 = 60 - 61)	62		1.242.813.249	6.986.870.529
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.45	83	466

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng



LÊ VĂN VINH

Tổng Giám đốc



TRẦN NHƯ HOÀNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.734.195.096	9.109.681.537
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định	02		34.164.163.430	32.941.503.329
- Các khoản dự phòng	03		2.087.371.787	147.191.293
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		238.228.319	989.455.450
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		411.050.637	1.307.354.337
- Chi phí Lãi vay	06		22.329.918.875	30.697.202.169
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60.964.928.144	75.192.388.115
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(228.888.282.105)	(114.663.858.634)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(70.757.540.381)	(35.035.937.471)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		229.927.141.663	76.871.637.800
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(22.615.757.678)	814.445.513
- Tiền Lãi vay đã trả	13		(35.445.893.957)	(33.332.988.603)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(4.271.591.962)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		65.300.000	575.207.034
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.300.480.961)	(1.793.368.354)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(68.050.585.275)	(35.644.066.562)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(342.708.127.631)	(176.320.584.032)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		8.336.818.182	863.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25		(6.439.726.027)	(600.000.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		162.725.237	453.473.341
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(340.648.310.239)	(175.603.474.327)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Thành lập:** Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO ("Công ty"), được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000423 ngày 19/9/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 11/01/2008, thay đổi lần thứ hai ngày 20/8/2009, thay đổi lần thứ ba ngày 14/10/2009, thay đổi lần thứ tư ngày 21/04/2011, thay đổi lần thứ năm ngày 11 tháng 05 năm 2011, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

2. **Hình thức sở hữu vốn :** vốn cổ phần.

3. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

4. **Ngành nghề kinh doanh:**

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến đất, đá và cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh bất động sản; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trụ sở); kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở); đại lý mua bán bia rượu, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ quảng cáo.

5. **Công ty con:**

Công ty con là tất cả các công ty chịu sự kiểm soát của công ty mẹ " Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO" trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho công ty mẹ. Các công ty con được loại trừ khỏi hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng số các công ty con: hai (02)

Số lượng các công ty con được hợp nhất: hai (02)

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: không (0)

Danh sách công ty con được hợp nhất

1. **Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận**

- Trụ sở : Số F253, Kp.7, Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO: 71,61% (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ : 71,61%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 71,61%.

2. **Công ty CP Khai thác và Kinh doanh VLXD IDICO Đồng Nai**

- Trụ sở : Lầu 1, số 168, KP 11, P.An Bình, Biên Hoà, Đồng Nai
- Tỷ lệ góp vốn trực tiếp của Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO: 35% (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
- Tỷ lệ góp vốn của Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận: 25% (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).
- Tỷ lệ lợi ích công ty mẹ: 52,9%.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 60%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Công ty liên kết**Danh sách các công ty liên kết****1. Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát**

- Trụ sở : Văn phòng giao dịch: 166, Tổ 2, KP 11, Phường An Bình, Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ góp vốn của Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO: 35% (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Do ảnh hưởng chung của việc cắt giảm đầu tư công của Nhà nước, năm 2012 việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng giảm sút làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ sản phẩm cống thoát nước bê tông cốt thép, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất chủ lực của Công ty.

8. Tổng số nhân viên đến cuối năm: 465 người. (Ngày 31 tháng 12 năm 2011: 457 nhân viên)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của công ty mẹ và công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các công ty con.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ công ty đã được loại trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO và Báo cáo tài chính của hai (02) công ty con nêu trên.

2. Các chính sách kế toán mới:

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp ("Thông tư 179") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012, áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp ("Thông tư 180") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012. Thông tư này thay thế Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

Công ty thực hiện quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp cho năm hiện hành theo Thông tư 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Đồng thời trong năm Công ty cũng áp dụng Thông tư 180 thay thế cho thông tư 82 về trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Đối với hàng tồn kho là chi phí xây lắp dở dang, giá gốc bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**6.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền thu phí tính lộ 16

Giá trị quyền thu phí tính lộ 16 là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có được quyền thu phí tính lộ 16.

6.4. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	8 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
Tài sản cố định khác	5 - 10 năm
Quyền thu phí tính lộ 16	8 - 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của Công ty liên kết.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ, máy móc và chi phí sửa chữa tài sản ... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: lãi vay phải trả, các chi phí phải trả liên quan đến các công trình xây dựng đã hoàn thành ghi nhận doanh thu nhưng chưa tích lũy đủ giá vốn, các chi phí phải trả khác.

Chi phí duy tu hàng năm của trạm thu phí không quá 0,55%/ giá trị xây lắp trạm. Chi phí trùng tu của trạm thu phí là 5,1%/giá trị xây lắp trạm (5 năm thực hiện trùng tu một lần).

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do công ty tự xác định.

Đối với hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh và việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi nhận trên hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng xây dựng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thu nhập chịu thuế của Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO chịu các mức thuế suất khác nhau:

Thu nhập từ hoạt động thu phí tính lộ 16 được hưởng ưu đãi giảm 50% tức mức thuế suất thuế TNDN hiện tại 12,5%.

Thu nhập từ hoạt động sản xuất công, gói công, bê tông nhựa nóng các loại mức thuế suất là 25%.

Thu nhập từ hoạt động xây lắp và dịch vụ khác mức thuế suất là 25%.

19. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của Ngân hàng TM CP Sài Gòn công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2012: 20.820 VND/USD, 27.447 EUR.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu cho toàn bộ báo cáo.

20. Công cụ tài chính:**Tài sản tài chính**

Theo thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan đến bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác. Một lĩnh vực kinh doanh không bao gồm các sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể. Có những điểm không tương đồng với một hoặc vài nhân tố trong định nghĩa bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nhưng các sản phẩm, dịch vụ trong một lĩnh vực kinh doanh phải tương đồng phần lớn nhân tố.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Một khu vực địa lý không bao gồm các hoạt động trong môi trường kinh tế có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể. Một khu vực địa lý có thể là một quốc gia, hai hay nhiều quốc gia hoặc một, hai hay nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	01/01/2012
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền	19.778.199.094	41.895.010.236
Tiền mặt	1.764.483.313	32.585.020.052
Tiền gửi ngân hàng	18.013.715.781	9.309.990.184
Cộng	19.778.199.094	41.895.010.236
3. Phải thu của khách hàng		
Khách hàng trong nước	96.393.448.694	130.596.848.142
Khách hàng nước ngoài	-	-
Cộng	96.393.448.694	130.596.848.142
4. Trả trước cho người bán		
Nhà cung cấp trong nước	127.326.257.157	113.123.970.800
Nhà cung cấp nước ngoài	-	-
Cộng	127.326.257.157	113.123.970.800
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
Tài sản thiếu chờ xử lý	132.228.472	-
Phải thu tiền ứng thực hiện dự án BOT Quốc lộ 1A	-	8.958.000.000
Phải thu tạm chi thù lao Ban kiểm soát	805.504.598	413.516.600
Trả trước tiền mua đất Khu tái định cư Phước Tân.	-	1.000.000.000
Phải thu Công ty TNHH TV TK XD Trần Minh	500.000.000	-
Phải thu của HDBT Biên Hòa (Khu tái định cư Phước Tân).	2.047.375.000	-
Phải thu khác	4.135.703.493	2.371.781.428
Cộng	7.620.811.563	12.743.298.028
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Số dư đầu năm	1.163.280.662	1.016.089.369
Số dự phòng trong năm	2.087.371.787	147.191.293
Hoàn nhập	-	-
Số dư cuối năm	3.250.652.449	1.163.280.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Hàng tồn kho	31/12/2012	01/01/2012
Nguyên liệu, vật liệu	13.256.927.024	15.844.164.049
Công cụ, dụng cụ	913.956.095	1.024.508.831
Chi phí SX, KD dở dang	158.018.533.145	75.953.912.356
Thành phẩm	28.138.257.512	36.827.975.940
Hàng hoá	575.559.183	495.131.402
Cộng giá gốc hàng tồn kho	200.903.232.959	130.145.692.578
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	200.903.232.959	130.145.692.578
10. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Tạm ứng	4.449.861.117	5.357.391.752
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.660.000	89.036.000
Cộng	4.495.521.117	5.446.427.752
13. Tài sản cố định hữu hình (xem trang số 22)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TS cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	9.514.740.661	112.220.904.537	44.586.872.538	775.980.061	42.633.794.444	209.732.292.241
Mua trong năm		6.188.181.814	8.533.290.910	3.367.795.455	1.623.776.804	19.713.044.983
Thanh lý, nhượng bán		(1.818.181.818)	(1.329.177.489)			(3.147.359.307)
Số dư cuối kỳ	9.514.740.661	116.590.904.533	51.790.985.959	4.143.775.516	44.257.571.248	226.297.977.917
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.134.563.390	58.122.766.198	14.673.412.289	478.349.911	14.414.717.128	90.823.808.916
Khấu hao trong năm	691.342.752	13.510.187.840	6.332.088.273	366.278.514	4.661.188.419	25.561.085.798
Thanh lý, nhượng bán		(126.262.625)	(715.567.104)			(841.829.729)
Số dư cuối kỳ	3.825.906.142	71.506.691.413	20.289.933.458	844.628.425	19.075.905.547	115.543.064.985
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	6.380.177.271	54.098.138.339	29.913.460.249	297.630.150	28.219.077.316	118.908.483.325
Số dư cuối kỳ	5.688.834.519	45.084.213.120	31.501.052.501	3.299.147.091	25.181.665.701	110.754.912.932

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay (gồm cả TSCĐ vô hình): 113.494.700.063 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.113.376.819 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: 769.047.619 VND.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền thu phí tinh lộ 16	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	83.670.838.182	-	83.670.838.182
Số dư cuối kỳ	-	83.670.838.182	-	83.670.838.182
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	43.846.515.421	-	43.846.515.421
Khấu hao trong năm	-	8.603.077.632	-	8.603.077.632
Số dư cuối kỳ	-	52.449.593.053	-	52.449.593.053
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	39.824.322.761	-	39.824.322.761
Số dư cuối kỳ	-	31.221.245.129	-	31.221.245.129

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án		
+ Quyền sử dụng đất Kho K752 - 2.500m ²	-	5.931.818.182
+ Chi phí dự án khai thác đá Bình Lợi, Vĩnh Cửu	15.561.789.150	227.544.471
+ Chi phí dự án khai thác đá Phước Tân - Tân Cang 8	16.900.166.691	3.592.958.732
+ Phí thiết kế nhà ăn khu uỷ Miền Đông	-	979.877.554
+ Phí xây dựng mái che sân tennis	-	643.899.250
+ Chi phí dự án khai thác đá Đồi Chùa	30.379.364.143	2.796.180.735
+ Tuyến Quốc lộ 1A (đoạn tránh Tp. Biên Hòa).	395.454.351.143	122.220.083.024
+ Khu Tái định cư tại xã Bình Minh.	52.241.492.898	36.754.998.998
+ Khu Tái định cư tại xã Phước Tân.	29.089.797.248	4.461.129.599
+ Khu Dân cư tại xã Phước Tân.	835.998.796	72.633.000
+ Chi phí xây dựng cảng Cogido	944.978.855	-
Cộng	541.407.938.924	177.681.123.545

18. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng (CP)	Giá trị	Số lượng (CP)	Giá trị
Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh	455.000	4.418.390.068	866.027	8.858.840.506
Cty CP ĐT Việt Thuận				
(a) Phát	455.000	4.418.390.068	866.027	8.858.840.506
Đầu tư dài hạn khác	240.000	3.600.000.000	240.000	3.000.000.000
Cty Lắp máy điện nước				
(b) IDICO	240.000	2.400.000.000	240.000	2.400.000.000
Cty CP Đầu tư Khai thác Khoáng sản VLXD -				
(c) UDICO		1.200.000.000		600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	695.000	8.018.390.068	1.106.027	11.858.840.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(a) Thuyết minh khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát:

Trong năm 2012, Công ty CPĐT PT Cường Thuận IDICO có chuyển nhượng một phần cổ phần đầu tư vào Công ty CP ĐT Việt Thuận Phát, tỷ lệ vốn giảm từ 50% xuống còn 35%. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 28/02/2013 của Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát, Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 7 tỷ đồng chiếm 35% tổng số vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát là 20 tỷ đồng.

Năm 2012, Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát hoạt động kinh doanh không có lãi.

(b) Thuyết minh khoản đầu tư dài hạn khác - Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy Điện nước IDICO, Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 2,4 tỷ đồng chiếm 3% tổng số vốn điều lệ của Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO là 80 tỷ đồng.

Trong năm 2012 công ty hoạt động có lãi.

(c) Thuyết minh khoản đầu tư dài hạn khác - Công ty CP Đầu tư Khai thác Khoáng sản VLXD - UDICO:

Công ty CP ĐT Đồng Thuận ("Công ty con") đầu tư vào Cty CP Đầu tư Khai thác Khoáng sản VLXD - UDICO với tỷ lệ vốn góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15% tương đương 3.000.000.000 VNĐ. Đến ngày 31/12/2012 đã góp được 1.200.000.000 VNĐ.

Năm 2012 Cty CP ĐT Khai thác VLXD - UDICO vẫn đang trong giai đoạn đầu tư XDCB dở dang.

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư: Tăng do Công ty góp vốn theo tiến độ đầu tư và giảm do chuyển nhượng.

19. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí trả trước dài hạn	24.319.583.493	1.700.115.814
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	431.566.686	660.537.886
Chi phí sửa chữa TSCĐ	527.606.624	29.166.659
Chi phí xây tháp đồng hồ quảng cáo tại Ngã tư Hàng xanh	277.777.780	527.777.779
Quyền sử dụng thương hiệu IDICO	-	333.333.328
Chi phí mỏ đá Bình Lợi	72.200.000	-
Chi phí trùng tu mặt đường tỉnh lộ 16	22.866.745.000	149.300.162
Chi phí dài hạn khác	143.687.403	-
Cộng	24.319.583.493	1.700.115.814

20. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn	240.024.744.224	130.006.219.343
Ngân hàng Công thương Nhon Trạch (d)	108.782.136.045	92.203.943.538
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (e)	41.243.196.559	36.096.225.805
Ngân hàng Vietcombank (f)	29.999.411.620	-
Nguồn tạm ứng từ kho bạc nhà nước trung ương (g)	60.000.000.000	-
Vay cá nhân	-	1.706.050.000
Vay dài hạn đến hạn trả	74.304.095.612	18.105.604.080
Cộng	314.328.839.836	148.111.823.423

(d) Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Nhon Trạch

Vay ngắn hạn NH Công Thương Nhon Trạch theo hợp đồng vay số 03070500/HĐTD, ngày 23/02/2010. Lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 6 tháng + biên độ từ 2,7%/năm - 3,5%/năm. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 68, 151 và 152 Phường An Bình, T.p Biên Hoà, Đồng Nai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vay ngắn hạn NH Công Thương Nhơn Trạch theo hợp đồng vay số 03070697/HĐTD, ngày 31/03/2011 với thời hạn cho vay cụ thể mỗi lần giải ngân tối đa 06 tháng. Lãi suất bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm 6 tháng + biên độ 4,50%/năm. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 68, 151 và 152 Phường An Bình, T.p Biên Hoà, Đồng Nai và một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

(e) **Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)**

Vay ngắn hạn NH TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo "Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung" số VNM101991, ngày 15/12/2010. Lãi suất bằng lãi suất cho vay cơ bản của thời hạn tương ứng cộng với 1,5%/năm. Tài sản thế chấp là Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu và quyền sử dụng đất.

(f) **Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng Vietcombank**

Vay ngắn hạn NH Vietcombank theo hợp đồng vay số 0212043/HM1/KHDN, ngày 01/08/2012, hạn mức tín dụng 30 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, với thời hạn cho vay cụ thể mỗi lần giải ngân từ 8 -10 tháng. Lãi suất được qui định theo theo từng giấy nhận nợ, lãi suất được điều chỉnh theo thị trường tại ngày đầu tiên của mỗi quý. Tài sản thế chấp là quyền thu phí hình thành trong tương lai của dự án.

(g) **Thuyết minh các khoản vay từ Nguồn tạm ứng Kho bạc Nhà nước Trung ương:**

Sở Tài Chính Đồng Nai cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đồng Thuận tạm ứng 60.000.000.000 VND từ Nguồn Kho bạc Nhà nước Trung ương theo Hợp đồng Tạm ứng số 2889/HĐ-STC ngày 21/8/2012 với phí tạm ứng là 0,15%/tháng (được tính theo số ngày trong tháng) cho đến ngày 15/7/2013 hoàn trả tạm ứng ngân sách. Mục đích sử dụng tiền tạm ứng là để thực hiện dự án hạ tầng khu tái định cư tại xã Bình Minh, huyện Trảng Bom và tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa.

	31/12/2012	01/01/2012
21. Phải trả người bán		
Nhà cung cấp trong nước	54.802.740.099	42.980.245.931
Nhà cung cấp nước ngoài	-	-
Cộng	54.802.740.099	42.980.245.931
22. Người mua trả tiền trước		
Khách hàng trong nước	69.124.535.618	52.401.153.061
Khách hàng nước ngoài	-	-
Cộng	69.124.535.618	52.401.153.061
23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	9.593.484.953	11.984.806.835
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.226.478.091	4.570.123.364
Thuế thu nhập cá nhân	1.090.993.590	292.355.343
Các loại thuế khác	74.406.549	74.406.549
Cộng	17.985.363.183	16.921.692.091
24. Chi phí phải trả		
Chi phí lãi vay	210.937.538	367.362.900
Trích trước phí duy tu, trùng tu tình lộ 16	138.306.378	1.956.003.218
Trích trước Hợp đồng số 45 - QL51B	-	10.043.875.252
Trích trước CP Mặt bằng An Hưng Phát	5.473.772.309	5.473.772.309
Trích trước CP đường tránh HD07	1.149.989.141	-
Trích trước CP Đường tránh gói thầu số 01; 02; 03 và 04	5.362.794.648	-
Chi phí phải trả khác	710.004.074	90.601.111
Cộng	13.045.804.088	17.931.614.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2012	01/01/2012
Kinh phí công đoàn	136.288.740	99.505.777
Bảo hiểm xã hội	878.619.138	588.142.124
Bảo hiểm y tế	46.415.111	139.200.044
Bảo hiểm thất nghiệp	19.981.742	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (h)	10.965.872.763	44.718.911.492
Cộng	12.047.177.494	45.545.759.437

(h) Trong đó:

+ Mượn tiền Ông Nguyễn Xuân Hòa	-	27.216.462.000
+ Phải trả Công ty Vận tải số 9	-	2.660.273.973
+ Tiền cổ tức niên độ 2011 chưa trả	1.730.260.000	1.608.960.000
+ Nợ Công ty CP ĐT XD&TM Việt Cường Phát	2.326.161.842	-
+ Phải trả Công ty Tân Cảng Sài Gòn	5.376.000.000	-
+ Mượn tiền cá nhân khác	615.720.000	5.405.000.000
+ Các khoản phải trả khác	917.730.921	7.828.215.519
Cộng	10.965.872.763	44.718.911.492

27. Vay và nợ dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
Vay dài hạn	457.890.631.011	228.939.536.576
Vay ngân hàng	457.890.631.011	228.939.536.576
+ Ngân hàng Công thương Nhơn Trạch (i)	423.215.162.455	214.969.373.512
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi (k)	7.710.242.084	13.970.163.064
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (l)	1.247.222.238	-
+ Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai (m)	25.718.004.234	-
Vay dài hạn NH TMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi bao gồm tiền VNĐ và ngoại tệ, chi tiết ngoại tệ:		
Vay ngoại tệ gốc USD	40.875,00	73,555.00
Vay ngoại tệ gốc Euro	129.412,00	232,883.00
Cộng	457.890.631.011	228.939.536.576

Thuyết minh các khoản nợ vay ngân hàng

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch, của 17 hợp đồng vay, HĐTD số 03070539 và HĐTD số 03070727, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5% (không quá 15%/năm). Riêng Hợp đồng số 23070703 vay để mua đất mở đá, nhận nợ ngày 22/06/2011 được ân hạn một năm đầu tiên, sang đến quý 2/2013 mới bắt đầu trả nợ gốc. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vay.

(k) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi của 09 hợp đồng vay (trong đó có 02 hợp đồng vay bằng VNĐ, 06 hợp đồng vay bằng Euro và 01 hợp đồng vay bằng USD). Lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5% (không quá 15%/năm). Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vay.

(l) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, của hợp đồng vay số 095-2012-046/HĐTDTDH-PN/SHB ĐNAI, ngày 27/04/2012. Mục đích vay mua xe phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn theo thông báo của Ngân hàng SHB tại thời điểm giải ngân (lãi suất của khoản vay trong năm là 20,5%/năm), được thay đổi 03 tháng/01 lần theo thông báo của NH SHB, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp là 01 chiếc xe Kia Forte.

(m) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi của 09 hợp đồng vay (trong đó có 02 hợp đồng vay bằng VNĐ, 06 hợp đồng vay bằng Euro và 01 hợp đồng vay bằng USD). Lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5% (không quá 15%/năm). Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

29. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	2.431.670.000	-	3.690.728.985	7.043.347.552	11.120.427	35.645.106.320	198.821.973.284
Tăng vốn	-	6.036.897.877	-	-	-	-	-	6.036.897.877
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	6.986.870.529	6.986.870.529
Trích lập quỹ	-	-	-	557.260.871	1.393.152.178	-	(1.950.413.049)	-
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	-	-	-	1.160.758.960	1.160.758.960
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1.257.983.773)	(1.257.983.773)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	8.468.567.877	-	4.247.989.856	8.436.499.730	11.120.427	16.584.338.987	187.748.516.877
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	8.468.567.877	-	4.247.989.856	8.436.499.730	11.120.427	16.584.338.987	187.748.516.877
Tăng vốn	-	1.069.213.704	-	-	-	-	-	1.069.213.704
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	1.242.813.249	1.242.813.249
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	(1.115.408.019)	(1.115.408.019)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(713.116.806)	(713.116.806)
Số dư ngày 31/12/12	150.000.000.000	9.537.781.581	-	4.247.989.856	8.436.499.730	11.120.427	998.627.411	173.232.019.005

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

29. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2012	01/01/2012
Vốn góp của Nhà nước (Tổng công ty IDICO)	4,67%	7.000.000.000	7.000.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	95,33%	143.000.000.000	143.000.000.000
Cộng	100,00%	150.000.000.000	150.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.000.000.000	24.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu thường	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu thường	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2012	01/01/2012
Quỹ đầu tư phát triển	4.247.989.856	4.247.989.856
Quỹ dự phòng tài chính	8.436.499.730	8.436.499.730
Nguồn vốn đầu tư XDCB	11.120.427	11.120.427
Cộng	12.695.610.013	12.695.610.013

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán công	97.045.957.469	96.804.535.548
Doanh thu cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	164.351.815.449	242.030.310.575
Doanh thu thu phí tính lộ 16	33.247.320.909	29.214.499.091
Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất	5.931.818.182	-
Cộng	300.576.912.009	368.049.345.214

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

33. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2012	Năm 2011
Hàng bán bị trả lại	262.210.735	75.967.325
Cộng	262.210.735	75.967.325
34. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu thuần bán công	96.783.746.734	96.728.568.223
Doanh thu thuần cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	164.351.815.449	242.030.310.575
Doanh thu thuần thu phí tính lộ 16	33.247.320.909	29.214.499.091
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	5.931.818.182	-
Cộng	300.314.701.274	367.973.377.889
35. Giá vốn hàng bán	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn của công đã bán	72.415.720.622	69.406.778.965
Giá vốn cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp	155.162.076.782	212.837.793.930
Giá vốn hoạt động thu phí	10.205.474.620	9.805.567.740
Giá vốn quyền sử dụng đất	5.931.818.182	-
Cộng	243.715.090.206	292.050.140.635
36. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	139.725.237	93.473.341
Cổ tức, lợi nhuận được chia	567.767.375	360.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	39.572.590	1.138.649.734
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	229.981.434	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	900.376
Cộng	977.046.636	1.593.023.451
37. Chi phí tài chính	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền vay	22.329.918.875	30.697.202.169
Phí bảo tồn vốn tự có tính lộ 16	2.008.100.116	2.008.100.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	277.800.909	2.128.105.184
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư	195.195.000	-
Cộng	24.811.014.900	34.833.407.469
38. Chi phí bán hàng	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên	1.855.142.294	1.457.650.310
Chi phí bảo hành	546.645.106	287.750.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.307.962.327	7.133.054.454
Chi phí bằng tiền khác	746.038.625	1.873.873.066
Cộng	6.455.788.352	10.752.328.482

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2012	Năm 2011
39. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	14.660.544.665	12.226.556.526
Chi phí vật liệu, bao bì	62.536.340	45.200.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	369.256.518	416.911.793
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.583.242.869	1.662.686.725
Thuế, phí, lệ phí	27.250.716	222.978.979
Chi phí dự phòng phải thu	2.087.371.787	147.191.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.562.937.901	4.295.237.947
Phân bổ lợi thế thương mại	104.805.000	-
Chi phí bằng tiền khác	3.383.235.040	4.214.246.515
Cộng	26.841.180.836	23.231.009.778
40. Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định	2.186.363.636	863.636.364
Hoàn phí bảo tồn vốn tính lỗ	2.008.100.116	2.008.100.116
Trừ lương nhân viên vi phạm	363.864.803	-
Thu nhập khác	402.185.054	604.815.366
Cộng	4.960.513.609	3.476.551.846
41. Chi phí khác		
Chi phí nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định	2.305.529.578	2.662.877.676
Lãi trả chậm mua NVL	-	422.466.093
Chi phí khác	257.852.619	19.455.150
Cộng	2.563.382.197	3.104.798.919
42. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.734.195.096	9.109.681.537
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.648.261.832	(77.619.628)
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.216.029.207	1.058.621.618
- Các khoản điều chỉnh giảm	(567.767.375)	(1.136.241.246)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	3.382.456.928	9.032.061.909
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.412.168.889	2.122.811.008
5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	2.412.168.889	2.122.811.008
43. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.	1.888.931.738	-
Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.888.931.738	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

44. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	243.970.010.720	256.439.408.670
Chi phí nhân công	34.320.752.943	34.087.021.731
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.031.431.435	32.819.970.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.213.572.742	19.166.704.398
Chi phí khác	17.720.173.567	11.115.808.426
Cộng	371.255.941.407	353.628.914.157

45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.242.813.249	6.986.870.529
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	1.242.813.249	6.986.870.529
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	83	466

46. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

46.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

46.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
VNĐ	+200	(14.901.079.285)
VNĐ	-200	14.901.079.285
USD	+50	(7.660.018)
USD	-50	7.660.018
EUR	+50	(30.815.211)
EUR	-50	30.815.211
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		
VNĐ	+300	(10.004.655.581)
VNĐ	-300	10.004.655.581
USD	+100	(22.126.626)
USD	-100	22.126.626
EUR	+100	(89.012.987)
EUR	-100	89.012.987

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

46.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1 "Tiền và các khoản tương đương tiền". Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

		VNĐ	
		Quá hạn nhưng không bị suy giảm	
Tổng cộng	Không quá hạn và không bị suy giảm	91-180 ngày	> 181 ngày
31 tháng 12 năm 2012	18.618.566.468	48.869.275.820	21.766.315.983

46.4 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

VNĐ			
31 tháng 12 năm 2012	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	314.328.839.836	457.890.631.011	772.219.470.847
Phải trả người bán	46.933.558.948	7.869.181.151	54.802.740.099
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	9.034.657.464	10.625.869.877	19.660.527.341
	370.297.056.248	476.385.682.039	846.682.738.287
01 tháng 01 năm 2012	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	148.111.823.423	228.939.536.576	377.051.359.999
Phải trả người bán	40.784.544.901	2.195.701.030	42.980.245.931
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	29.460.410.828	8.527.464.899	37.987.875.727
	218.356.779.152	239.662.702.505	458.019.481.657

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng phần lớn quyền sở hữu máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất và quyền tài sản phát sinh từ HĐ BOT số 29/HĐ.BOT-CĐBVN ngày 18/12/2009 làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.20 thuyết minh vay ngắn hạn và vay dài hạn). Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các tài sản thế chấp cho Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

47 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2012		31/12/2011		31/12/2012	31/12/2011
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	19.778.199.094	-	41.895.010.236	-	19.778.199.094	41.895.010.236
- Phải thu khách hàng	96.393.448.694	3.250.652.449	130.596.848.142	1.163.280.662	93.142.796.245	129.433.567.480
- Phải thu khác	3.985.591.195	-	10.019.522.000	-	3.985.591.195	10.019.522.000
TỔNG CỘNG	120.157.238.983	3.250.652.449	182.511.380.378	1.163.280.662	116.906.586.534	181.348.099.716
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	772.219.470.847	-	377.051.359.999	-	764.798.197.597	377.051.359.999
- Phải trả người bán	54.802.740.099	-	42.980.245.931	-	54.802.740.099	42.980.245.931
- Phải trả khác	19.660.527.341	-	37.987.875.727	-	19.660.527.341	37.987.875.727
TỔNG CỘNG	846.682.738.287	-	458.019.481.657	-	839.261.465.037	458.019.481.657

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ phải thu (phải trả)
Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát	Công ty liên kết	Doanh thu bán bê tông nhựa nóng, dầu DO, vận chuyển, Cát đá.	25.460.381.612	3.098.915.993
Ông Trần Như Hoàng	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	Công ty phải trả tiền cổ tức cổ đông sáng lập.		(500.000.000)
Ông Nguyễn Văn Khang	Thành viên HĐQT - Cổ đông sáng lập	Công ty phải trả tiền cổ tức cổ đông sáng lập.		(440.000.000)
Bà Trương Hồng Loan	Vợ Chủ tịch HĐQT	Trả trước tiền mua đất tại xã Phước Tân.	10.878.000.000	26.208.000.000
Bà Phạm Mai Thu	Kế toán trưởng	Trả trước tiền mua đất tại xã Phước Tân.		3.457.300.000

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2012	Năm 2011
Thu nhập của Hội đồng quản trị	775.607.900	1.233.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc	2.433.487.500	1.842.000.293
Tổng	3.209.095.400	3.075.000.293

5. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2012**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận thu phí, bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất cống - gôì cống, dịch vụ xây lắp, và các dịch vụ khác. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận trạm thu phí tính lộ 16	33.247.320.909	10.205.474.620	23.041.846.289
Bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng	36.468.829.101	33.004.204.163	3.464.624.938
Bộ phận sản xuất cống, gôì cống	96.783.746.734	72.153.509.887	24.630.236.847
Bộ phận công trình xây lắp	96.721.628.926	96.019.856.776	701.772.150
Bộ phận bán cung cấp hàng hoá, dịch vụ	28.790.366.812	25.534.174.531	3.256.192.281
Bộ phận vận chuyển	2.370.990.610	866.052.047	1.504.938.563
Chuyển quyền sử dụng đất	5.931.818.182	5.931.818.182	-
Cộng	300.314.701.274	243.715.090.206	56.599.611.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Kết quả kinh doanh theo bộ phận năm 2011

	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bộ phận trạm thu phí tỉnh lộ 16	29.214.499.091	9.805.567.740	19.408.931.351
Bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng	22.404.501.889	18.772.909.732	3.631.592.157
Bộ phận sản xuất cống, gổì cống	96.728.568.223	69.406.778.965	27.321.789.258
Bộ phận công trình xây lắp	202.318.762.772	180.184.043.745	22.134.719.027
Bộ phận bán cung cấp hàng hoá, dịch vụ	17.307.045.914	13.880.840.453	3.426.205.461
Cộng	367.973.377.889	292.050.140.635	75.923.237.254

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo khu vực địa lý năm 2012

Công ty có một xưởng sản xuất và một trạm thu phí tọa lạc trên cùng địa bàn là tỉnh Đồng Nai, hạch toán phụ thuộc, hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm dịch vụ chỉ tập trung ở tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận. Do đó, chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

6. Trình bày sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 27/2/2013, Hội đồng quản trị Công ty CPĐT Phát Triển Cường Thuận IDICO đã có quyết nghị số 02/QNHDQT/CTC, về việc thay đổi nhân sự quản lý của Công ty theo nội dung của biên bản họp HĐQT Công ty số 01/BBHHDQT/CTC ngày 27/2/2013.

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng



LÊ VĂN VINH

Tổng Giám đốc



TRẦN NHƯ HOÀNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CƯỜNG THUẬN IDICO
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**